

Số: 11/2024/NQ-HĐND

Bình Thuận, ngày 20 tháng 6 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật,
chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 23 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Hòa giải ở cơ sở ngày 20 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục
pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở
cơ sở;

Căn cứ Quyết định số 21/2021/QĐ-TTg ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ quy định về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng
phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của
Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận
pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán
kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp
luật và hòa giải ở cơ sở;

Xét Tờ trình số 1657/TTr-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến,
giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh;

Báo cáo thẩm tra số 69/BC-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh.

3. Các chương trình, đề án, kế hoạch về phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở có văn bản hướng dẫn riêng thì thực hiện theo quy định tại văn bản hướng dẫn đó; trường hợp không có quy định riêng thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 2. Mức chi công tác phí; tổ chức các hội nghị

Chi công tác phí cho những người đi công tác, kiểm tra, giám sát, bao gồm cả báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật, cộng tác viên, chuyên gia tham gia đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, hòa giải viên; chi tổ chức các hội nghị chuyên đề, hội nghị tổng kết, sơ kết, triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở, các chương trình, đề án, kế hoạch: Thực hiện theo Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Mức chi tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ, kỹ năng; chi hỗ trợ tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ, tiền phương tiện đi lại cho người tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng

1. Chi tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật, hòa giải ở cơ sở cho cán bộ, công chức, viên chức; báo cáo viên pháp luật; tuyên truyền viên pháp luật và người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải viên ở cơ sở; người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số theo khoản 3 Điều 17 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho người khuyết tật theo khoản 3 Điều 20 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 71/2019/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm

2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

2. Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ, tiền phương tiện đi lại đối với học viên là đại biểu ở cấp xã thực hiện theo mức chi hỗ trợ đối với đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Mức chi tổ chức họp báo, hội thảo, tọa đàm; chi tổ chức cuộc họp

1. Chi tổ chức họp báo, hội thảo, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở, giải pháp thực hiện chương trình, đề án, hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật cấp tỉnh; cấp huyện; Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật cấp huyện, Ban chỉ đạo các chương trình, đề án về phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở (bao gồm: Chi tổ chức các cuộc hội thảo, các phiên họp định kỳ, đột xuất của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Tổ Thư ký giúp việc Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Ban chỉ đạo, họp tư vấn, thẩm định của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật cấp huyện): Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

2. Chi tổ chức cuộc họp đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của cấp xã: Chi chủ trì và các thành viên tham dự thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật).

Điều 5. Mức chi ứng dụng công nghệ thông tin

Chi ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở; đăng tải thông tin pháp luật, các thông tin khác về hoạt động xây dựng và thực hiện pháp luật, hỏi đáp pháp luật cần thiết cho người dân trên cổng/trang thông tin điện tử sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; xây dựng và vận hành Tủ sách pháp luật điện tử quốc gia, các dự án, đề án, chương trình ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật số, mạng xã hội trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở theo chương trình, dự án, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê

duyet: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan; các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

Điều 6. Mức chi biên soạn, biên dịch tài liệu phục vụ phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và thực hiện thông tin, truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng

1. Chi biên soạn tài liệu (hoặc bài giảng) giới thiệu Luật, Pháp lệnh; thông cáo báo chí, sách, đặc san, tài liệu chuyên đề pháp luật, tài liệu tham khảo, hướng dẫn nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở để phát hành hoặc đăng tải trên cổng/trang thông tin điện tử và biên soạn chương trình giáo dục pháp luật, sách, tài liệu tham khảo, hướng dẫn giáo dục pháp luật trong nhà trường: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

2. Chi biên soạn đồ họa thông tin pháp luật: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh.

3. Chi biên soạn sách nói pháp luật thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí xuất bản; chi biên soạn bài giảng điện tử: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

4. Chi xây dựng chương trình, chuyên mục; in ấn các ấn phẩm, tài liệu; sản xuất, phát hành các băng rôn, khẩu hiệu, băng, đĩa để phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở; thực hiện truyền thông trên báo, tạp chí, đài truyền hình, tập san, bản tin, thông tin lưu động, triển lãm chuyên đề, làm băng thông tin và hộp tin: Thực hiện theo định mức, đơn giá của các ngành có công việc tương tự và theo chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm.

5. Chi biên dịch các tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở (bao gồm cả tiếng dân tộc thiểu số được hiểu là ngôn ngữ không phổ thông): Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 89/2019/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế; mức chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 7. Mức chi biên soạn một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở đặc thù

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1	Tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tờ gấp đã hoàn thành	
a	Cấp tỉnh		1.500.000
b	Cấp huyện		1.200.000
c	Cấp xã		900.000
2	Tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tình huống đã hoàn thành	
a	Cấp tỉnh		450.000
b	Cấp huyện		360.000
c	Cấp xã		270.000
3	Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Câu chuyện đã hoàn thành	
a	Cấp tỉnh		2.250.000
b	Cấp huyện		1.800.000
c	Cấp xã		1.350.000
4	Tiểu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia)	Tiểu phẩm đã hoàn thành	
a	Cấp tỉnh		7.500.000
b	Cấp huyện		6.000.000
c	Cấp xã		4.500.000

Điều 8. Mức chi khen thưởng

Chi khen thưởng cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc về phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở thực hiện theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng.

Điều 9. Mức chi thực hiện các cuộc điều tra, khảo sát

Chi thực hiện các cuộc điều tra, khảo sát về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh và Nghị quyết 09/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7

năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh.

Điều 10. Mức chi xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch

Chi xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch, phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, Ban chỉ đạo các chương trình, đề án, kế hoạch, gồm:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
1	Xây dựng đề cương			
a	Đề cương chi tiết	Đề cương		
-	Cấp tỉnh		1.200.000	
-	Cấp huyện		960.000	
-	Cấp xã		720.000	
b	Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát	Đề cương hoàn chỉnh		
-	Cấp tỉnh		2.000.000	
-	Cấp huyện		1.600.000	
-	Cấp xã		1.200.000	
2	Soạn thảo chương trình, đề án, kế hoạch			
a	Soạn thảo chương trình, đề án, kế hoạch	Chương trình, đề án, kế hoạch		
-	Cấp tỉnh		3.000.000	
-	Cấp huyện		2.400.000	
-	Cấp xã		1.800.000	
b	Soạn thảo báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến	Báo cáo		
-	Cấp tỉnh		500.000	
-	Cấp huyện		400.000	
-	Cấp xã		300.000	
3	Tổ chức họp, tọa đàm góp ý			
-	Chủ trì	Người/buổi	200.000	
-	Thành viên tham dự	Người/buổi	100.000	
4	Ý kiến tư vấn của chuyên gia	Văn bản	500.000	
5	Xét duyệt chương trình, đề án, kế hoạch			

-	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	200.000	
-	Thành viên Hội đồng, thư ký	Người/buổi	150.000	
-	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	100.000	
-	Nhận xét, phản biện của Hội đồng	Bài viết	300.000	
-	Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng	Bài viết	200.000	
6	Ý kiến thẩm định chương trình, đề án, kế hoạch	Bài viết	500.000	Trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt chương trình, đề án, kế hoạch
7	Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch	Văn bản	500.000	

Điều 11. Mức chi thù lao

1. Thù lao báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật; hòa giải viên cơ sở, người được mời tham gia thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở; hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt với tư cách là giảng viên: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 71/2019/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Trường hợp thực hiện phổ biến giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù theo quy định tại các Điều 17, 18, 19, 20, 21, 22 của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật được hưởng thêm 20% mức thù lao được nhận.

2. Thù lao huy động chuyên gia, nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn tham gia triển khai các nhiệm vụ của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật: Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Danh sách chuyên gia, nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn được chi trả thù lao huy động do người có thẩm quyền quy định tại Điều 3 Quyết định số 21/2021/QĐ-TTg ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật quyết định.

Điều 12. Mức chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nòng cốt

1. Chi hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho thành viên tham gia hội nghị ra mắt Câu lạc bộ pháp luật: 50.000 đồng/người/ngày (không quá 1 ngày).

2. Chi tiền nước uống cho người dự sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nòng cốt: 20.000 đồng/người/buổi.

Điều 13. Mức chi tổ chức cuộc thi, hội thi

1. Chi tổ chức cuộc thi, hội thi viết, thi sân khấu, trên internet về tìm hiểu pháp luật, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở, bao gồm:

a) Chi hỗ trợ tiền ăn, ở cho thành viên ban tổ chức, các ban, tiểu ban, hội đồng trong những ngày tham gia trực tiếp tổ chức cuộc thi theo quyết định của cấp có thẩm quyền: Chi hỗ trợ tiền ăn, ở cho thí sinh tham gia cuộc thi (kể cả ngày tập luyện và thi, tối đa không quá 10 ngày): Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Cán bộ, công chức, viên chức đã được hưởng khoản hỗ trợ tiền ăn, ở thì không được thanh toán công tác phí ở cơ quan.

b) Chi tổ chức cuộc thi, hội thi sân khấu, thi trên mạng internet, thi trên sóng phát thanh - truyền hình có thêm chi thuê dẫn chương trình, thuê diễn văn nghệ lồng ghép tiểu phẩm pháp luật; chi phí hậu kỳ, hội trường, trang thiết bị và các khoản chi khác phục vụ cuộc thi: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này và theo chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm.

2. Chi biên soạn đề thi, xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, bồi dưỡng thành viên ban tổ chức, các ban, tiểu ban, hội đồng và một số nội dung chi khác để phục vụ tổ chức cuộc thi: Thực hiện theo Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi chuẩn bị tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh.

3. Chi tổ chức cuộc thi sân khấu, thi trên internet, có thêm mức chi đặc thù sau:

a) Thuê dẫn chương trình: Tùy theo quy mô, cấp tổ chức, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức cuộc thi quyết định mức thuê dẫn chương trình.

b) Thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi sân khấu: Tùy theo quy mô, cấp tổ chức, địa bàn tổ chức cuộc thi, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức cuộc thi quyết định mức thuê hội trường và thiết bị.

c) Thuê văn nghệ, diễn viên: 450.000 đồng/người/ngày.

d) Thu thập thông tin, tư liệu, lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hoá (đối với cuộc thi qua mạng điện tử): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP

ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan; Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử; Thông tư số 42/2020/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động xuất bản, các định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá được cơ quan có thẩm quyền ban hành và các chế độ, định mức chi tiêu quy định hiện hành của cơ quan Nhà nước; các văn bản khác có liên quan của địa phương.

4. Chi giải thưởng:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1	Cuộc thi quy mô cấp tỉnh		
a	Giải nhất	Giải thưởng	
-	Tập thể		15.000.000
-	Cá nhân		9.000.000
b	Giải nhì	Giải thưởng	
-	Tập thể		10.500.000
-	Cá nhân		4.500.000
c	Giải ba	Giải thưởng	
-	Tập thể		7.500.000
-	Cá nhân		3.000.000
d	Giải khuyến khích	Giải thưởng	
-	Tập thể		4.500.000
-	Cá nhân		1.500.000
đ	Giải phụ khác	Giải thưởng	750.000
2	Cuộc thi quy mô cấp huyện		
a	Giải nhất	Giải thưởng	
-	Tập thể		12.000.000
-	Cá nhân		7.200.000
b	Giải nhì	Giải thưởng	
-	Tập thể		8.400.000
-	Cá nhân		3.600.000
c	Giải ba	Giải thưởng	
-	Tập thể		6.000.000
-	Cá nhân		2.400.000
d	Giải khuyến khích	Giải thưởng	
-	Tập thể		3.600.000
-	Cá nhân		1.200.000
đ	Giải phụ khác	Giải thưởng	600.000
3	Cuộc thi quy mô cấp xã		

a	Giải nhất	Giải thưởng	
-	Tập thể		9.000.000
-	Cá nhân		5.400.000
b	Giải nhì	Giải thưởng	
-	Tập thể		6.300.000
-	Cá nhân		2.700.000
c	Giải ba	Giải thưởng	
-	Tập thể		4.500.000
-	Cá nhân		1.800.000
d	Giải khuyến khích	Giải thưởng	
-	Tập thể		2.700.000
-	Cá nhân		900.000
đ	Giải phụ khác	Giải thưởng	450.000

Điều 14. Mức chi thực hiện báo cáo thống kê về hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1	Thu thập thông tin, xử lý số liệu báo cáo		
a	Cấp tỉnh	01 Báo cáo	75.000
b	Cấp huyện		60.000
c	Cấp xã		45.000
2	Báo cáo		
a	Cấp tỉnh	01 Báo cáo	4.500.000
b	Cấp huyện		3.600.000
c	Cấp xã		2.700.000

Điều 15. Mức chi kiểm tra, giám sát, đánh giá theo định kỳ hoặc đột xuất

Chi kiểm tra, giám sát, đánh giá theo định kỳ hoặc đột xuất về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2007/TT-BTC ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Điều 16. Mức chi công tác hòa giải ở cơ sở

1. Chi thù lao cho hòa giải viên (đối với các hòa giải viên trực tiếp tham gia vụ, việc hòa giải): 300.000 đồng/vụ, việc. Trường hợp vụ, việc hòa giải thành theo Điều 24 Luật Hòa giải ở cơ sở: 400.000 đồng/vụ, việc.

2. Hỗ trợ chi phí y tế cho việc cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút đối với hòa giải viên bị tai nạn trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở (bao gồm cả trường hợp hòa giải viên bị tai nạn được cứu chữa, bồi dưỡng, chăm sóc trước khi chết) được thực hiện như sau:

a) Đối với người bị tai nạn có tham gia bảo hiểm y tế thì việc thanh toán chi phí y tế cho cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút đối với người bị tai nạn được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

b) Đối với người bị tai nạn không tham gia bảo hiểm y tế ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí y tế cho việc cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút bằng mức hưởng chi phí khám bệnh, chữa bệnh của đối tượng tham gia bảo hiểm y tế được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 22 của Luật Bảo hiểm y tế (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Hỗ trợ thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút đối với hòa giải viên bị tai nạn trong thời gian cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất hoặc giảm sút được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-BYT ngày 09 tháng 7 năm 2013 của Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Y tế hướng dẫn quy trình, thủ tục, hồ sơ, mức hỗ trợ người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe.

4. Hỗ trợ chi phí mai táng cho người tổ chức mai táng hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro bị thiệt hại về tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở: 05 tháng lương cơ sở.

5. Chi hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải (chi mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải): 150.000 đồng/tổ hòa giải/tháng.

Điều 17. Chi kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

Chi kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở được thực hiện theo Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận khóa XI, kỳ họp thứ 23 (chuyên đề) thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- HĐND và UBND các xã, phường, thị trấn;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Báo Bình Thuận, Đài PTTH Bình Thuận;
- Lưu: VT, (CTHĐ.08b).Thanh.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoài Anh